Chi tiết mã HS 3003.10.10

Mã HS	3003.10.10
Mô tả hàng hóa	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm từ hai hoặc nhiều thành phần trở lên đã pha trộn với nhau dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, chưa được đóng gói theo liều lượng hoặc làm thành hình dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ / - Chứa penicillins hoặc dẫn xuất của chúng, có cấu trúc axit penicillanic, hoặc streptomycins hoặc các dẫn xuất của chúng: / - - Chứa amoxicillin (INN) hoặc muối của nó
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	05/11/2026 11:42:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30031010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	12	12%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4554
Thuế NK ưu đãi (MFN)	8	8%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4554
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4554
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, LA)	0% (trừ ID, LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	4,4	4,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.6	5,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4475
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4436
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4436
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4436
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4436
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4436
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4436
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4474
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4474
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4474
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4474

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4474
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4474
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4478
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4478
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4478
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4478
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4478
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4478
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4478
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4442
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F4438
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G4438
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H4438
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I4438
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J4438
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K4438
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4438
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4438
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4438
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4438
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4438
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4438
VCFTA	2022	2022	3	VC!D4485
VCFTA	2023	2023	2	VC!E4485
VCFTA	2024	2024	2	VC!F4485
VCFTA	2025	2025	1	VC!G4485

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	1	VC!H4485
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4485
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4482
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4482
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4482
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4482
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4482
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4482
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D608
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E608
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4490
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4490
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4490
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4490
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4490
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4490
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D4461
EVFTA	2023	2023	4	EV-NK!E4461
EVFTA	2024	2024	3	EV-NK!F4461
EVFTA	2025	2025	2	EV-NK!G4461
EVFTA	2026	2026	1	EV-NK!H4461
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4461
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D4463
UKVFTA	2023	2023	4	UKV!E4463
UKVFTA	2024	2024	3	UKV!F4463
UKVFTA	2025	2025	2	UKV!G4463

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	1	UKV!H4463
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4463
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4461
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4461
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4461
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4461
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4461
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4461
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4461
RCEP A	2022	2022	7,2	RCEPT-A!D4482
RCEP A	2023	2023	6,4	RCEPT-A!E4482
RCEP A	2024	2024	5,6	RCEPT-A!F4482
RCEP A	2025	2025	4,8	RCEPT-A!G4482
RCEP A	2026	2026	4	RCEPT-A!H4482
RCEP A	2027	2027	3,2	RCEPT-A!I4482
RCEP B	2022	2022	7,2	B!D4482
RCEP B	2023	2023	6,4	B!E4482
RCEP B	2024	2024	5,6	B!F4482
RCEP B	2025	2025	4,8	B!G4482
RCEP B	2026	2026	4	B!H4482
RCEP B	2027	2027	3,2	B!I4482
RCEP C	2022	2022	7,2	C!D4482
RCEP C	2023	2023	6,4	C!E4482
RCEP C	2024	2024	5,6	C!F4482
RCEP C	2025	2025	4,8	C!G4482
RCEP C	2026	2026	4	C!H4482

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	3,2	C!I4482
RCEP D	2022	2022	7,3	D!D4482
RCEP D	2023	2023	6,5	D!E4482
RCEP D	2024	2024	5,8	D!F4482
RCEP D	2025	2025	5,1	D!G4482
RCEP D	2026	2026	4,4	D!H4482
RCEP D	2027	2027	3,6	D!I4482
RCEP E	2022	2022	7,2	E!D4485
RCEP E	2023	2023	6,4	E!E4485
RCEP E	2024	2024	5,6	E!F4485
RCEP E	2025	2025	4,8	E!G4485
RCEP E	2026	2026	4	E!H4485
RCEP E	2027	2027	3,2	E!I4485
RCEP F	2022	2022	7,2	F!D4482
RCEP F	2023	2023	6,4	F!E4482
RCEP F	2024	2024	5,6	F!F4482
RCEP F	2025	2025	4,8	F!G4482
RCEP F	2026	2026	4	F!H4482
RCEP F	2027	2027	3,2	F!I4482
VIFTA	2024	2024	7.2	VI!F4125
VIFTA	2025	2025	6.4	VI!G4125
VIFTA	2026	2026	5.6	VI!H4125
VIFTA	2027	2027	4.8	VI!I4125

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3003.10 có 3 dòng thuế; dòng 3003.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Chứa amoxicillin (INN) hoặc muối của nó.	3003.10.20 Chứa ampicillin (INN) hoặc muối của nó; 3003.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3003.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 8% của mã 3003.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4554), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.